

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020

Mã số mẫu: N.20.386

Tên đơn vị gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC
Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020
Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 1
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không cố định acid.
Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số E.coli giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,44
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	0,06
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,0
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	KPH LOD = 2
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,08
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	KPH LOD = 0,02
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	7,45
10	Hàm lượng Clorua (Cl) (*)	SMEWW 4500 Cl-B:2012	mg/L	250	8,70 ± 0,66
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	138,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,0
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,46

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020
Mã số mẫu: N.20.386

Nhận xét:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14; 15);

Ngày 22 tháng 9 năm 2020

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hồng Hạnh



Nguyễn Duy Cường

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020
Mã số mẫu: N.20.382

Tên đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC**
Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020
Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 3
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không cố định acid.
Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số E.coli giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,35
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	14,23
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,14
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	KPH LOD = 2
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,08
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	KPH LOD = 0,08
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	9,46
10	Hàm lượng Clorua (Cl) (*)	SMEWW 4500 Cl-B:2012	mg/L	250	10,30 ± 0,66
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	130,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,80
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,45

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020
Mã số mẫu: N.20.382

Nhận xét:

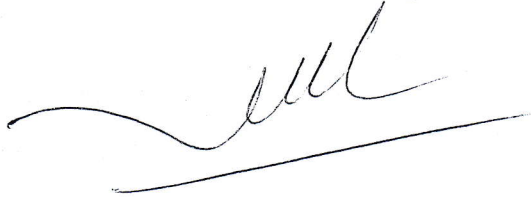
Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14;15);

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Ngày 22 tháng 9 năm 2020

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hồng Hạnh



Nguyễn Duy Trọng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020

Mã số mẫu: N.20.385

Tên đơn vị gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC
Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020
Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 8B
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không cố định acid.
Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số E.coli giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,62
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	0,06
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,0
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	KPH LOD = 2
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,08
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	0,06 ± 0,002
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	17,02
10	Hàm lượng Clorua (Cl) (*)	SMEWW 4500 Cl-B:2012	mg/L	250	1,30 ± 0,66
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	96,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,10
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,43

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 164 / 2020
Mã số mẫu: N.20.385

Nhận xét:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;

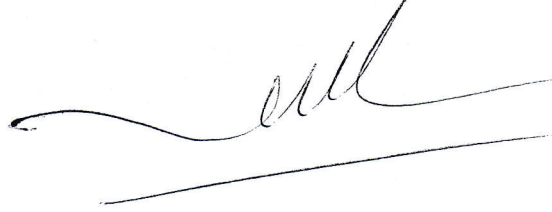
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14; 15);

Ngày 22 tháng 9 năm 2020

KHOA XÉT NGHIỆM^V
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THẨM DÒ CHỨC NĂNG

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hồng Hạnh



Nguyễn Duy Cường

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 163 / 2020

Mã số mẫu: N.20.392

Tên đơn vị gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC
Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020
Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 9
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không có định acid.
Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số E.coli giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,94
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	0,06
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,0
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	KPH LOD = 2
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,08
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	KPH LOD = 0,02
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	16,12
10	Hàm lượng Clorua (Cl) (*)	SMEWW 4500 Cl-B:2012	mg/L	250	2,80 ± 0,66
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	78,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,0
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,45

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020

Mã số mẫu: N.20.392

Nhận xét:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

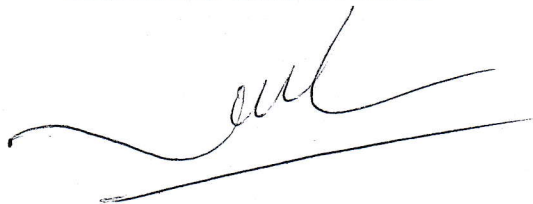
Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14; 15);

Ngày 22 tháng 9 năm 2020

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hồng Hạnh



Nguyễn Duy Trọng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020

Mã số mẫu: N.20.387

Tên đơn vị gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC
Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020
Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 12
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không cố định acid.
Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số E.coli giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,05
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	0,06
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,0
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	19,66
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,08
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	KPH LOD = 0,02
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	KPH LOD = 0,08
10	Hàm lượng Clorua (Cl) (*)	SMEWW 4500 Cl-B:2012	mg/L	250	7,90 ± 0,66
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	122,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,0
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,48

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020
Mã số mẫu: N.20.387

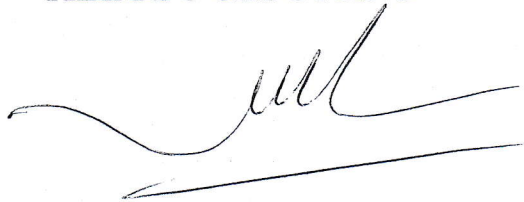
Nhận xét:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14; 15);

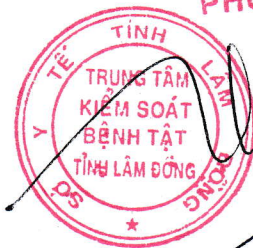
Ngày 22 tháng 9 năm 2020

**KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Thị Hồng Hạnh

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Duy Trọng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 164 / 2020

Mã số mẫu: N.20.393

Tên đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC**
Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020
Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 14
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không cố định acid.
Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số E.coli giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,90
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	0,06
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,0
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	KPH LOD = 2
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,08
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	KPH LOD = 0,02
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	15,07
10	Hàm lượng Clorua (Cl) (*)	SMEWW 4500 Cl-B:2012	mg/L	250	2,10 ± 0,66
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	76,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,20
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,47

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020
Mã số mẫu: N.20.393

Nhận xét:

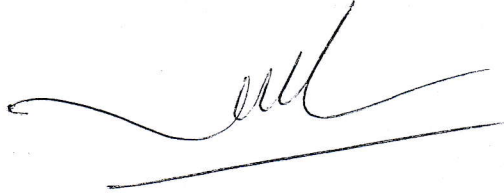
Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14; 15);

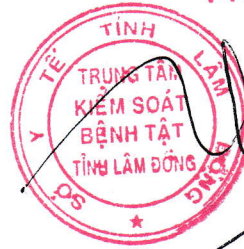
Ngày 22 tháng 9 năm 2020

**KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG**

**GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Hồng Hạnh



Nguyễn Duy Trọng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020
Mã số mẫu: N.20.391

Tên đơn vị gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC
Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020
Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 15
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không cố định acid.
Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số E.coli giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,18
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	0,06
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,0
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	KPH LOD = 2
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,08
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	KPH LOD = 0,02
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	21,81
10	Hàm lượng Clorua (Cl) (*)	SMEWW 4500 Cl-B:2012	mg/L	250	9,60 ± 0,66
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	120,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,0
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,47

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020

Mã số mẫu: N.20.391

Nhận xét:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14; 15);

Ngày 22 tháng 9 năm 2020

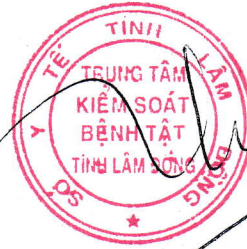
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THẨM ĐÓ CHỨC NĂNG

GIÁM ĐỐC

KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hồng Hạnh



Nguyễn Duy Trọng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020

Mã số mẫu: N.20.388

Tên đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC**

Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng

Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020

Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 16

Tên mẫu: Nước máy

Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không cố định acid.

Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số E.coli giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,76
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	0,06
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,0
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	22,35
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	0,07 ± 0,03
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	KPH LOD = 0,02
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	20,27
10	Hàm lượng Clorua (Cl) (*)	SMEWW 4500 Cl-B:2012	mg/L	250	4,10 ± 0,66
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	112,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,0
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,49

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 163 / 2020

Mã số mẫu: N.20.388

Nhận xét:

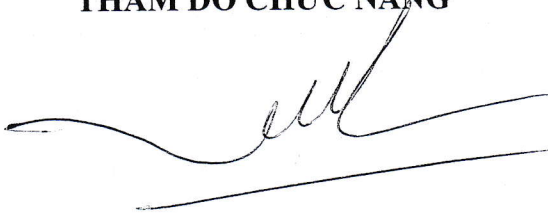
Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14; 15);

Ngày 22 tháng 9 năm 2020

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hồng Hạnh



Nguyễn Duy Trọng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020
Mã số mẫu: N.20.389

Tên đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC**
Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020
Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 17
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không cố định acid.
Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số <i>E.coli</i> giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,81
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	0,06
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,0
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	KPH LOD = 2
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	0,13 ± 0,03
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	0,11 ± 0,002
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	25,50
10	Hàm lượng Clorua (Cl) (*)	SMEWW 4500 Cl-B:2012	mg/L	250	1,40 ± 0,66
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	96,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,0
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,45

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020
Mã số mẫu: N.20.389

Nhận xét:

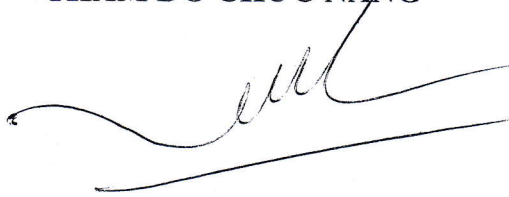
Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14; 15);

Ngày 22 tháng 9 năm 2020

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hồng Hạnh



Nguyễn Duy Trọng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020

Mã số mẫu: N.20.383

Tên đơn vị gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng

Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020

Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 18

Tên mẫu: Nước máy

Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không cố định acid.

Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số <i>E.coli</i> giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,56
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	0,06
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,0
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	KPH LOD = 2
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	0,19 ± 0,03
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	KPH LOD = 0,02
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	KPH LOD = 0,08
10	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻) (*)	SMEWW 4500 Cl- B:2012	mg/L	250	6,90 ± 0,66
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	106,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,10
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,47

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020
Mã số mẫu: N.20.383

Nhận xét:

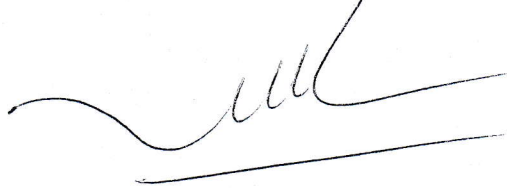
Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14; 15);

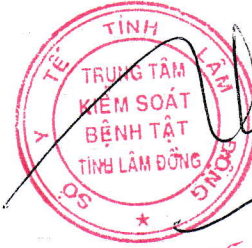
Ngày 22 tháng 9 năm 2020

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hồng Hạnh



Nguyễn Duy Cường

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 16^B / 2020

Mã số mẫu: N.20.390

Tên đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC**
Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – Phường 1 – Tp. Bảo Lộc – Lâm Đồng
Ngày lấy mẫu: 11 / 9 / 2020
Địa điểm lấy mẫu: Trạm bơm cấp nước số 19
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa và chai vô trùng, nguyên vẹn không cố định acid.
Thời gian phân tích: Từ ngày 11 / 9 / 2020 đến ngày 21 / 9 / 2020.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Tổng số Coliform (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
2	Tổng số <i>E.coli</i> giả định (*)	TCVN 6187 – 1:2009	MPN/100mL	0	KPH
3	Độ pH	TCVN 6492:2011	/	6,5-8,5	7,84
4	Màu sắc trong nước	SMEWW 1998 2120 C	Đơn vị màu Cobalt	15	0,06
5	Độ đục	SMEWW 1998 2130	NTU	2	0,0
6	Hàm lượng Sulfat	EPA –375.4	mg/L	250	KPH LOD = 2
7	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 - Fe B:2012	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,08
8	Hàm lượng Nitrit (*)	SMEWW 4500 - NO2-B:2012	mg/L	3	KPH LOD = 0,02
9	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180:1996	mg/L	50	KPH LOD = 0,08
10	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻) (*)	SMEWW 4500 Cl-B:2012	mg/L	250	2,0
11	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C 2012	mgCaCO ₃ /L	300	74,0 ± 1,41
12	Độ Oxy hóa (chất hữu cơ)	TCVN 6186:1996	mgO ₂ /L	2	0,0
13	Hàm lượng kim loại Mn (*)	AOAC 974.27	mg/L	0,3	KPH LOD = 0,05
14	Mùi vị	Cảm quan	/	Không mùi, vị	Không mùi, vị
15	Hàm lượng Clo dư	Đo bằng máy Hanna HI 96701	mg/L	0,3-0,5	0,50

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch – P.6 – Tp.Đà Lạt – Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 169 / 2020
Mã số mẫu: N.20.390

Nhận xét:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo Mức độ A QCVN 01 : 2009 / BYT Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế.

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các chỉ tiêu trên được Cục ATTP chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý Nhà nước về ATTP (trừ chỉ tiêu số 14;15);

Ngày 22 tháng 9 năm 2020

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THẨM DÔ CHỨC NĂNG

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Hồng Hạnh



Nguyễn Duy Trọng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận Vilas đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.